

Số: /BC-UBND

Ba Vì, ngày 07 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 của UBND xã Ba Vì

Thực hiện Công văn số 602/UBND ngày 31/3/2025 của UBND huyện Ba Tư về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030.

UBND xã Ba Vì báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND huyện Ba Tư ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Ba Tư giai đoạn 2021-2025. UBND xã Ba Vì đã ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 về triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính xã Ba Vì giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở Chương trình tổng thể cải cách hành chính của UBND tỉnh, UBND huyện và Quyết định ban hành kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, UBND xã Ba Vì đã ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện¹ đồng thời đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC do UBND tỉnh, UBND huyện giao và Kế hoạch của xã đề ra.

¹ Quyết định số 308/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch CCHC năm 2021; Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 Ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 Ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023; Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024; Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025.

UBND xã đã kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Ủy ban nhân dân xã Ba Vì² để kịp thời tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức và cá nhân. Ngày 22/02/2023 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND về việc hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo đó công chức được phân công làm nhiệm vụ tại Bộ phận Một cửa xã được hưởng 800.000 đồng/ 01 tháng.

Căn cứ Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án “xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi hàng năm UBND xã Ba Vì căn cứ để tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính cụ thể:

- Năm 2021: Đạt 72,63 điểm xếp thứ 6/19 xã, thị trấn;
- Năm 2022: Đạt 79,43 điểm xếp thứ 2/19 xã, thị trấn; Mức đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”;
- Năm 2023: Đạt 87,19 điểm xếp thứ 2/19 xã, thị trấn; Mức đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”
- Năm 2024: Đạt 82,33 điểm xếp thứ 1/19 xã, thị trấn; Mức đánh giá “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

Trong năm 2024 UBND huyện phân bổ cho xã Ba Vì 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để mua sắm trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa xã theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ. Hiện nay UBND xã đã trang bị các trang thiết bị cần thiết để phục vụ tại Bộ phận Một cửa gồm: các phần mềm, 01 máy bốc số tự động, 05 máy tính bảng để đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính của công chức chuyên môn tại Bộ phận Một cửa xã, theo đó từ khi triển khai việc đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính của công chức chuyên môn tại Bộ phận Một cửa xã trên điện tử đến nay đã có 2778 lượt đánh giá mức độ rất hài lòng; 03 lượt đánh giá mức độ hài lòng.

Giai đoạn 2021-2025, UBND xã Ba Vì được UBND huyện Ba Tư công nhận 02 sáng kiến³ trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng trên địa bàn huyện Ba Tư.

Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC hàng năm và đồng thời kịp

² Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 26/3/2021; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 15/9/2022; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2023.

³ 1. Sáng kiến “Xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử xã Ba Vì (xabavi.quangngai.gov.vn) góp phần xây dựng chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số” tại Quyết định số 3912/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư; 2. Sáng kiến “Một số biện pháp, giải pháp nâng cao chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) cấp xã” tại Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tư.

thời khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đã có thành tích nổi trội trong các chuyên đề về công tác CCHC và chuyển đổi số.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Hàng năm căn cứ vào các nhiệm vụ CCHC của UBND tỉnh, UBND huyện giao và Kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại xã, UBND xã đã ban hành Kế hoạch tự kiểm tra công tác CCHC, qua đó kịp thời phát hiện và đưa ra giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tự kiểm tra nên đã góp phần nâng cao chỉ số CCHC của xã qua các năm.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã; tuyên truyền các nội dung theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số Cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình hành động số 23-CTr/HU ngày 08/7/2022 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính; Quyết định số 1983/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp huyện giai đoạn 2021 – 2025.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và không dùng tiền mặt; Tuyên truyền nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan. Tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc trên môi trường số; tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, hạn chế giấy tờ.

- Tuyên truyền, giới thiệu công khai các địa chỉ, điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC, quy định hành chính, tinh thần trách nhiệm, thái độ giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức với người dân. Các mô hình, điển hình tốt trong CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương. Công khai số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến việc giải quyết TTHC. Việc niêm yết, công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên Trang thông tin điện tử xã tại địa chỉ: xabavi.bato.quangngai.gov.vn.

- Viết các tin bài liên quan đến công tác CCHC và chuyển đổi số để đăng lên Trang thông tin điện tử của xã để các tổ chức, người dân đọc và biết được kết quả triển khai thực hiện của xã trong thời gian qua.

- Tham gia các Hội thi tuyên truyền cải cách hành chính, chuyển đổi số do tỉnh, huyện tổ chức; tuyên truyền nội dung về CCHC trên hệ thống truyền thanh của xã với thời lượng một tháng 01 lần/30 phút với nội dung xoay quanh chủ yếu về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và việc tổ chức thực hiện công tác CCHC; công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ nên công tác CCHC được triển khai đồng bộ và có hiệu quả.

- Nâng cao ý thức của người dân trong việc nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến, qua đó đã góp phần giảm chi phí đi lại của người dân trong việc giải quyết TTHC.

- Không còn tình trạng gây khó khăn, phiền hà cho người dân khi đến giải quyết TTHC tại UBND xã.

b) Tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền và nhiệm vụ CCHC chưa đồng bộ giữa các ban ngành, hội đoàn thể; vẫn còn xem nhiệm vụ CCHC là của công chức chuyên môn tham mưu cho UBND xã.

- Trên địa bàn xã có hơn 75% là người đồng bào dân tộc thiểu số H'rê, đồng thời trình độ học vấn không đồng đều nên việc triển khai công tác CCHC đến người dân gặp rất nhiều khó khăn.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Xây dựng và ban hành văn bản QPPL

- Năm 2021 ban hành 01 văn bản Quy phạm pháp luật; Năm 2022 không ban hành văn bản Quy phạm pháp luật; Năm 2023 ban hành 01 văn bản Quy phạm pháp luật; Năm 2024 không ban hành văn bản Quy phạm pháp luật; Đến ngày 31/3/2025 không ban hành văn bản Quy phạm pháp luật.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND xã thường xuyên tổ chức theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những hạn chế, bất cập trong quá trình thu thập thông tin, kiểm tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật dẫn đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị xâm phạm thì các ban, ngành có liên quan xem xét, tổng hợp báo cáo UBND xã xem xét, xử lý theo

thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch về triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và nhiệm vụ đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã Ba Vì; UBND xã tích cực tổ chức công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức phù hợp với tình hình địa phương. Đây mạnh tuyên truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh thông minh, đồng thời, cập nhật tuyên truyền nhiệm vụ phát triển KT-XH trên Trang thông tin điện tử xã.

d) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật và việc tổ chức thực hiện, kiểm tra thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật

Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch về kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Qua theo dõi, kiểm tra tra chưa phát hiện văn bản trái với quy định của pháp luật, văn bản đảm bảo về thể thức, kỹ thuật trình bày.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Việc triển khai và tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến người dân gặp rất nhiều khó khăn. Vì người dân trên địa bàn xã hay đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, bên cạnh đó trình độ học vấn của người dân không đồng đều nên việc truyền đạt kiến thức pháp luật không đạt được hiệu quả cao nhất.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc rà soát, đánh giá cải cách thủ tục hành chính, UBND xã đã chỉ đạo công chức chuyên môn rà soát và tham mưu UBND xã đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Đồng thời thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân theo đúng Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Thường xuyên chỉ đạo công chức chuyên môn rà soát, đánh giá thủ tục hành chính qua đó kịp thời phát hiện và đề xuất, kiến nghị xử lý những TTHC không còn phù hợp, không đảm bảo tính hợp pháp; các TTHC rườm rà (*về quy trình, hồ sơ, thời gian, yêu cầu điều kiện giải quyết, mẫu đơn, mẫu tờ khai*), phức tạp, mâu thuẫn, gây khó khăn, cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của Nhân dân.

Giai đoạn 2021-2025 UBND xã không ban hành TTHC, không có TTHC ban hành trái thẩm quyền, đồng thời niêm yết Thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính tại Bộ phận Một cửa xã và công khai trên Trang thông tin điện tử xã.

Hàng năm đều ban hành kế hoạch đối thoại với nhân dân về những vấn đề liên quan đến công tác giải quyết TTHC và thái độ phục vụ của công chức xã Ba Vì, qua đó kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các trường hợp tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân gây khó khăn, làm không đúng quy trình, yêu cầu cung cấp thêm các loại giấy tờ....

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ

Thực hiện niêm yết công khai đầy đủ bộ thủ tục hành chính (TTHC) tại Bộ phận Một cửa các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết, mức thu phí, lệ phí; Việc công khai TTHC được thực hiện bằng nhiều hình thức như:

- Công khai TTHC dưới dạng Mã QR, niêm yết tại Bộ phận một cửa xã
- Công khai TTHC bằng màn hình điện tử (máy Kiosk phục vụ tra cứu) tại bộ phận một cửa xã;
- Công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử xã tại đường link: <https://xabavi.bato.quangngai.gov.vn/web/xa-ba-vi/thu-tuc-hanh-chinh>.

Qua đó đã giúp cho tổ chức và cá nhân dễ dàng tìm hiểu và thực hiện khi có yêu cầu, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến cụ thể:
- + Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần: 77 thủ tục
- + Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 23 thủ tục

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Hiện nay việc triển khai việc giải quyết TTHC hành chính cho người dân qua dịch vụ bưu chính công ích gặp rất nhiều khó khăn, vì người dân vẫn còn quen với việc đến trực tiếp UBND xã để giải quyết TTHC và nhận kết quả.

- Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Hiện nay đang triển khai thực hiện trên địa bàn xã TTHC cấp bản sao trích lục hộ tịch.

- Kết quả giải quyết TTHC

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đã tiếp nhận và giải quyết 6.457 hồ sơ, trong đó: Tiếp nhận trực tuyến là 3.836 hồ sơ, trực tiếp là 2621 hồ sơ. Trong đó: Đã giải quyết: 6437 hồ sơ

+ Trước hạn, đúng hạn: 6379 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,09%;

+ Quá hạn: 58 hồ sơ đạt tỷ lệ 0,91%;

Đang giải quyết: 02 hồ sơ (đang còn trong thời hạn giải quyết);

Hồ sơ đã rút: 18 hồ sơ.

- UBND xã đã trang bị máy tính bảng Tabled để thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi đến giải quyết TTHC tại bộ phận Một cửa xã, kết quả như sau: Đánh giá rất hài lòng 2790 lượt đánh giá; mức độ hài lòng 03 lượt đánh giá.

- Thiện hiện việc số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC theo đúng quy định và đạt tỷ lệ 66,31% (có 4266 hồ sơ có kết quả giải quyết); số hồ sơ khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 291 hồ sơ; sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa 14 hồ sơ.

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính: Giai đoạn 2021-2025 UBND xã không tiếp nhận trường hợp khiếu nại cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính

UBND xã đã triển khai rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã về các mô hình, giải pháp, sáng kiến trong công tác CCHC để từ đó áp dụng vào thực tế tại địa phương góp phần nâng cao chỉ số CCHC hàng năm của xã.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc triển khai rà soát đánh giá TTHC còn chung chung chưa được thực hiện thường xuyên.

- Người dân vẫn còn sử dụng sim chưa chính chủ, một số người dân không có điện thoại thông minh, không có tài khoản ngân hàng nên việc triển khai việc nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến gặp rất nhiều khó khăn. Việc nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến chủ yếu do công chức chuyên môn tại Bộ phận Một cửa xã thực hiện nộp giúp cho người dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

Tổng số định biên cán bộ, công chức được giao (theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ) là 20 định biên. Đến ngày 31/3/2025, đã sử dụng 19/20 định biên (Khuyết Chủ tịch UBND xã). Không có trường hợp dôi dư.

Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức theo đúng quy định, đồng thời báo cáo kết quả về UBND huyện đúng thời gian quy định; Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được phân cấp quản lý nhà nước để từ đó kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Đồng thời rà soát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và cấp trên đã phân cấp, ủy quyền theo quy định, UBND xã kịp thời theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện những nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, ủy quyền, phân cấp quản lý đảm bảo chặt chẽ, nghiêm túc.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Hiện nay việc phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước chưa thật sự rõ ràng, còn nhiều chồng chéo.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

UBND xã thường xuyên chỉ đạo Tổ 48 xã tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác chấp hành các biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, không chuyên trách xã qua đó nhắc nhở các trường hợp vi phạm KLCCHC.

Hàng năm UBND xã đều ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để từ đó rà soát đưa đi đào tạo cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn theo quy định. Giai đoạn 2021-2025 đã cử 07 cán bộ, công chức và người hoạt động đi đào tạo về chuyên môn và Trung cấp lý luận chính trị.

b) Về công chức cấp xã

- Cơ cấu, số lượng: 09 công chức

- Chất lượng: 08 công chức có bằng Đại học và 01 công chức có bằng Thạc sĩ.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính của một số cán bộ, công chức chưa nghiêm; Kinh phí sử dụng để cử cán bộ, công chức đi đào tạo các lớp chuyên môn và chính trị chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

UBND xã đã phối hợp với Công đoàn cơ sở để ban hành Quyết định Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện việc chi chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức đúng theo quy định; Bên cạnh đó, UBND xã cũng thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường tính minh bạch và quyền giám sát của mỗi cán bộ, công chức; theo dõi, quản lý chặt chẽ việc sử dụng và tiết kiệm tối đa kinh phí được cấp trong năm và tài sản của cơ quan.

Hàng năm đều ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách xã theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Định kỳ hàng tháng, quý tại Hội nghị đánh giá phát triển kinh tế - xã hội, UBND xã tổ chức công khai tài chính trong tập thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại cơ quan. Thực hiện khắc phục nghiêm túc các kết luận thanh tra, kiểm tra về tài chính.

Thường xuyên phối hợp với Mặt trận và các Hội, đoàn thể xã tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất bàn giao mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trên địa bàn xã. Đồng thời kịp thời giải ngân vốn đầu tư công theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc giải ngân vốn đầu tư công không đạt chỉ tiêu so với kế hoạch của UBND tỉnh, huyện đề ra. Vì có một số vốn được giao vào cuối năm (tầm tháng 09, 10, 11) nên việc làm hồ sơ ban đầu không kịp dẫn đến bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công chậm, ngoài ra khi giao vốn trùng vào mùa mưa nên các công trình không thể triển khai thi công đạt tiến độ để giải ngân theo đúng quy định.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi hoạt động của cơ quan, trong giải quyết thủ tục hành chính cho công dân. Duy trì hiệu quả hoạt động của phần mềm ứng dụng iOffice, phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ huyện giao, từng bước mở rộng phạm vi ứng dụng, đối tượng áp dụng để từng bước hiện đại hóa nền hành chính theo lộ trình chung của huyện và tỉnh.

Đến nay, xã 100% cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã sử dụng thành thạo máy vi tính; 100% văn bản đến và đi được tiếp nhận, xử lý qua hệ thống điện tử; cán bộ, công chức thường xuyên trao đổi công tác qua mail công vụ, iOffice, mạng nội bộ tạo chuyển biến tích cực trong hoạt động công vụ của chính quyền địa phương. Hiện nay, 100% văn bản hồ sơ công việc (trừ văn bản mật) được luân chuyển và xử lý trên môi trường mạng.

Trang thông tin điện tử xã Ba Vì (xabavi.bato.quangngai.gov.vn) tiếp tục được duy trì và hoạt động ổn định, cung cấp thông tin về xã Ba Vì, cung cấp thông tin về các TTHC và dịch vụ công trực tuyến, các thông tin về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, du lịch, thương mại, an ninh quốc phòng ở địa phương và các thông tin khác theo quy định của pháp luật, được phép lưu hành trên mạng Internet nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của xã; Website xã Ba Vì là kênh thông tin tuyên truyền, quảng bá, thu hút đầu tư, thúc đẩy sự phát triển và hội nhập của xã Ba Vì.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc của cán bộ, công chức còn hạn chế, thực hiện chưa đồng bộ, chưa thường xuyên

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt của Đảng ủy, sự chỉ điều hành của UBND xã, nên công tác cải cách hành chính tại địa phương được thực hiện đồng bộ, có nhiều tiến bộ vượt bậc. Trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình thực thi công vụ, từng bước loại bỏ văn bản giấy truyền thống, tiến dần đến mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính. Đội ngũ cán bộ, công chức tích cực tham gia vào hoạt động cải cách hành chính, trực tiếp vận hành, thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách. Không ngừng tự tìm hiểu, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, đổi mới phương pháp làm việc, hướng đến phục vụ nhân dân tốt hơn. Các chỉ số liên quan đến công tác CCHC đều tăng lên hàng năm cụ thể:

- Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến năm 2022 đạt 9,8%, năm 2023 đạt 62,4%, năm 2024 đạt 93,5%, những tháng đầu năm 2025 đạt 98,5%.

- Thanh toán trực tuyến năm 2022 đạt 64%, năm 2023 đạt 83,91%, năm 2024 đạt 92,42%, những tháng đầu năm 2025 đạt 98,6%.

- Mức độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC năm 2022 đạt 31,8%, năm 2023 đạt 78%, năm 2024 đạt 96,9%, những tháng đầu năm 2025 đạt 99,7%.

- 100% TTHC tại Bộ phận Một cửa xã đều được tiếp nhận và cập nhật lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Việc nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến dần dần đã được người dân quan tâm và thực hiện; không còn trường hợp gây phiền hà, sách nhiễu, gây khó khăn cho người dân khi đến giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa xã.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành xử lý công việc và giải quyết TTHC cho người dân đã rút ngắn được thời gian giải quyết, theo dõi được quy trình tham mưu giải quyết, qua đó đã hạn chế được thời gian và tiền bạc của người dân.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Đường truyền internet nhiều lúc không ổn định dẫn đến việc tiếp nhận hồ sơ của công dân bị gián đoạn làm ảnh hưởng đến việc giải quyết TTHC cho công dân. Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC thông qua hệ thống bưu chính công ích còn nhiều hạn chế.

- Công tác tuyên truyền về CCHC và chuyển đổi số chưa thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Chưa huy động được sự tham gia tích cực của hiệp hội, doanh nghiệp, người dân, những đối tượng có liên quan trong quá trình CCHC cũng như cải cách TTHC.

- Hiện nay người dân sử dụng sim điện thoại không chính chủ vẫn còn, nên đã làm ảnh hưởng đến công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân.

- Cổng dịch vụ công của tỉnh nhiều lúc bị lỗi như: thanh toán trực tuyến không được, ký số không được... đã làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa.

- Việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt hiệu quả cao, vì hiện nay tại Bộ phận Một cửa xã chủ yếu tiếp nhận và giải quyết TTHC liên quan đến lĩnh vực chứng thực bản sao đúng với bản chính là chủ yếu, nên tỷ lệ tái sử dụng lại thông tin không thể đạt 50%.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Một là: Phải xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, lâu dài gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Duy trì và tăng cường công tác chỉ đạo triển khai thực hiện cải cách hành chính thống nhất, đồng bộ.

Hai là: Vai trò của người đứng đầu mang tính quyết định. Người đứng đầu phải muốn làm, trực tiếp làm, trực tiếp sử dụng và chỉ đạo quyết liệt, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm cho cán bộ, công chức trong việc triển khai các nhiệm vụ CCHC.

Ba là: Xác định các mục tiêu cải cách hành chính mang tính thiết thực để bảo đảm tính khả thi. Tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính phải gắn với tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương đồng thời cần phân công rõ trách nhiệm và có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Về cải cách thể chế

Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số; Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

2. Về cải cách thủ tục hành chính

Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phù hợp ở Trung ương và địa phương.

Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4. Về cải cách chế độ công vụ

Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức gắn với vị trí việc làm; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết. Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện khoán kinh phí.

5. Về cải cách tài chính công

Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

UBND xã Ba Vì kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Các PCT UBND xã;
- Mặt trận và các Hội, đoàn thể xã;
- Công chức TP-HT (phụ trách tiêu chí 18.5);
- Công chức và KCT xã;
- Trang thông tin điện tử xã Ba Vì;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Thảo

Phụ lục 1
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị công văn chỉ đạo, quán triệt)						
1.1	Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Thông báo của Ban Cán sự/Đảng ủy	2	5	9	11	2	
1.2	Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt	6	9	12	16	7	
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm						
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	18	25	43	53	66	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	18	25	43	53	0	
3	Kiểm tra CCHC						
3.1	Số đơn vị kiểm tra	1	1	1	1	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra	100%	100%	100%	100%	0%	
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra						
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý						
4	Tuyên truyền CCHC						
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	0	0	0	0	0	
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh						
4.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC						
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	0	1	1	1	1	
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).				Tổ chức tọa đàm		
5	Số lượng mô hình, sáng	0	1	0	1	0	

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	kiến CCHC được triển khai áp dụng						
6	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị						
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành						
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện						
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã						
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương						
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân						
7.1	Số lượng phiếu khảo sát	467	1537	1839	5628	831	
7.2	Hình thức khảo sát	Giấy	Giấy	Giấy	Trên môi trường mạng	Trên môi trường mạng	
7.3	Mức độ hài lòng chung	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	Rất hài lòng	
8	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	2	2	2	2	0	
9	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao						
9.1	Tổng số nhiệm vụ được giao						
9.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn						
9.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn						
9.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành						

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Xã Ba Vì				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	0	0	0	0	0
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã	1	0	1	0	0
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		1	0	1	0	0
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		0	0	0	0	0
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
3	Rà soát VBQPPL		1	0	1	0	0
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		0	0	0	0	0
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát		0	0	0	0	0
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
4	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	0	0	0	0	0
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	0	0	0	0	0
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật					

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa					
1.2	Số TTHC công bố mới					
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
1.4	Tổng số TTHC của tỉnh					
1.4.1	<i>Số lượng TTHC cấp tỉnh</i>					
1.4.2	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>					
1.4.3	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>					
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử	145	145	171	171	171
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành					
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện					
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã	145	145	171	171	171
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp					
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					1
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)	467	1663	2056	1956	688

5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm	0	0	0	0	0
5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm	0	0	0	0	0
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT	0	0	0	0	0
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	0%	0%	79,05%	100%	100%
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	0%	0%	0%	0,71%	42,51%
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử					

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Số sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.2.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.3.	Số UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.4.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ					
1.5.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh					
1.6.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	21	20	20	20	21
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	21	20	18	19	19
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính					
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong năm	0	0	0	0	0

2.5.	Tỷ lệ % biên chế công chức đã tinh giản so với 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao					
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
3.3.	Số người đã tinh giản trong năm					
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với 2015					

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	0	0	0	2	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.					
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.					
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).					
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.					
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)					
4	Số lượng CBCCVN bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).					
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.					
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.					
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.					

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
5	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm					
6	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng					

Phụ lục 7
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu	UBND xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công					
1.1.	Kế hoạch được giao	1,5	1,8865	7,797	12,74	12,552
1.2.	Đã thực hiện	1,5	1,021	2,636	7,918	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					
3	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương					
3.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư					
3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên					
3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên					
3.3.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>					
3.3.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>					
3.3.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>					
3.4.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường					

STT	Chỉ tiêu	UBND xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	xuân					
3.5.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					

Phụ lục 8
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất					
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	x	x	x	x	x
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	100%	100%	100%	100%	100%
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).					
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử					
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	x	x	x	x	x
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>					
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	100%	100%	100%	100%	100%
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	100%	100%	100%	100%	100%
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>					
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND</i>					

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	<i>cấp huyện</i>					
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	100%	100%	100%	100%	100%
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh					
5.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>					
5.3.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	100%	100%	100%	100%	100%
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện					
6.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	23	23	23	23	23
6.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	23	23	23	23	23
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)					
6.2.1	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	0	12	17	17	14
6.2.2.	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>		0	11	16	14
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình					
6.3.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>		23	23	23	23
6.3.2	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình</i>		123	268	166	605
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần					

STT	Chỉ tiêu	Xã Ba Vì				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	0	76	76	76	76
6.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>		666	929	1.708	52
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến					
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>		24	24	24	24
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh</i>		24	24	24	24

Phụ lục 8
Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu cải cách hành chính nhà nước của
UBND xã Ba Vì giai đoạn 2021-2025

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
1	Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp	Trang thiết bị cần thiết để phục vụ tại Bộ phận Một cửa đã được đầu tư gồm: Phần mềm bốc số tự động, 05 máy tính bảng để đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính của công chức chuyên môn tại Bộ phận Một cửa xã; 01 tivi; 01 điện thoại bàn; 05 máy tính; 05 máy in; 02 máy scan	Đạt
2	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử		Đạt
3	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên		Đạt
4	Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử		Năm 2021, 2022 không đạt Giai đoạn 2023-2025 đạt
5	Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các địa phương có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích		Đạt

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%		
6	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%		Đạt
7	90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời		Đạt
8	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ		Không đạt
9	Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định		
10	Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021		
11	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%		
12	Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính –		

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	kinh tế đặc biệt		
13	Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định		
14	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		
15	100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc		
16	100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia		Đạt
17	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương		
18	80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung		

STT	Các mục tiêu cải cách	Kết quả đạt được (Nêu số liệu cụ thể nếu có)	Đánh giá kết quả đạt được (Đạt/Không đạt)
	cấp lại		
19	100% hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia		
20	Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân		
21	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)		Đạt
22	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		
23	100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiện thị theo thời gian thực		